

Số: 2023 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 12 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu E của UBND huyện Đông Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 19/07/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Đông Sơn về việc về việc phê duyệt điều chỉnh một số dự án hạ tầng khu dân cư mới năm 2021;

Xét Văn bản số 5114/STNMT-BVMT ngày 16/06/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu E của UBND huyện Đông Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 535/Tr-STNMT ngày 07/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu E (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Đông Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Rừng Thông và xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu E của UBND huyện Đông Sơn thực hiện tại thị trấn Rừng Thông và xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Đông Tiến, UBND thị trấn Rừng Thông (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến,
huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu E của UBND huyện Đông Sơn

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu E
- Địa điểm thực hiện: xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Đông Sơn
- + Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Đông Sơn
- + Người đại diện: Đồng Văn Long - Chức vụ: Giám đốc
- + Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Dự án khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu E thuộc địa giới hành chính xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn.

- Quy mô xây dựng: Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - khu E được thực hiện trên diện tích 82,737.30m²; bao gồm các hạng mục: San nền, Giao thông, thoát nước và hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng hoàn chỉnh, cây xanh và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác.

- Quy mô sử dụng đất: Theo Quy hoạch tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt, dự án có diện tích khoảng 82,737.30m² trong đó: Đất ở nhà liền kề 187 lô với tổng diện tích 22.215,50m²; Đất nhà ở xã hội với diện tích 17.922,32 m²; Đất công cộng (nhà văn hóa, bãi đỗ xe) 5.162,60m²; Đất cây xanh - thể thao 6.270,49m²; Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật 31.166,39m².

- Quy mô dân số: Khoảng 750 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục xây dựng gồm: san nền; thi công xây dựng hệ thống đường giao thông; cấp nước và phòng cháy chữa cháy; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; cấp điện.

- Hoạt động của dự án:

- + Giai đoạn thi công: Thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án;
- + Giai đoạn vận hành: Thi công các công trình nhà ở liền kề, nhà ở xã hội hoạt động sinh hoạt của dân cư.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạ mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Các tác động chính của dự án phát sinh trong giai đoạn xây dựng từ các hoạt động giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, san nền, thi công đường, thi công hệ thống thoát nước, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung, ảnh hưởng đến thủy lợi...; tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Các tác động chính của dự án phát sinh trong giai đoạn vận hành từ các hoạt động xây dựng công trình nhà ở xã hội, nhà ở liền kề, sinh hoạt của người dân, trong khu vực dự án, giao thông đi lại trên các tuyến đường, ... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại...; tác động đến dân cư, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng $6,2\text{m}^3/\text{ngày}$ (bao gồm nước rửa tay chân $3,6\text{m}^3/\text{ngày}$, nước nhà vệ sinh $2,36\text{m}^3/\text{ngày}$), nước thải nấu ăn $0,24\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải xây dựng (nước rửa bồn bê tông, nước vệ sinh thiết bị, máy móc,...) phát sinh khoảng $20,0\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có lưu lượng tối đa $0,127\text{m}^3/\text{s}$. Thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải,...

3.1.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển gồm: bụi và khí thải từ vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe. Thành phần chủ yếu gồm: bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công gồm: Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO; bụi từ hoạt động vệ sinh móng đường cấp phối đá dăm trước khi láng nhựa, khí thải từ hoạt động tưới nhựa dính bảm và từ lớp nhựa mặt đường trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu gồm: bụi vô cơ, mùi, khí CO, SO₂, NO₂.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.1.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 58 kg/ngày; thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng gồm: Thực vật phát quang phát sinh khoảng 51,47 tấn; thành phần chủ yếu là cành lá cây tươi. Chất thải rắn phát sinh trong quá trình phá dỡ công trình hiện trạng là 4.494,65 tấn; thành phần chủ yếu là bê tông, gạch vỡ... Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng 66,2 tấn đất đá, cát và 2,64 tấn vật liệu xây dựng khác,... Chất thải rắn phát sinh trong quá trình đào đắp hố móng 9.064,66 m³; thành phần chủ yếu là đất, bùn dư thừa.

3.1.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 50 kg/giai đoạn thi công; chủ yếu gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,...

- Khối lượng dầu thải từ các phương tiện thi công dự án phát sinh tại công trường tối đa 448,4 lít/giai đoạn thi công.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máymóc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

3.1.4. Các tác động khác:

- Tổng diện tích chiếm dụng đất của dự án là 82,737.30m², gồm đất lúa, đất giao thông, đất nuôi thủy sản ... Việc chiếm dụng diện tích đất sản xuất của hộ dân không chỉ là gây thiệt hại về thu nhập mà còn là nguồn phát sinh các tác động cả tích cực lẫn tiêu cực, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất và tâm lý người dân.

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhất là chuyển đổi mục đích diện tích đất trồng lúa sang đất xây dựng công trình sẽ ảnh hưởng đến cơ cấu sử dụng đất của địa phương, ảnh hưởng đến các quy hoạch ngành. Một phần diện tích đất trồng lúa được chuyển sang mục đích sử dụng khác sẽ làm giảm diện tích đất canh tác lúa, làm giảm tổng sản lượng lương thực.

- Rủi ro, sự cố bom mìn tồn lưu; Rủi ro, sự cố tai nạn lao động trong quá trình thi công; Rủi ro, sự cố cháy nổ trong quá trình thi công; Rủi ro, sự cố cố ngộ độc thực phẩm; Rủi ro, sự cố do dịch bệnh; Rủi ro, cố nứt nhà của các hộ dân nằm gần dự án; Rủi ro, sự cố hư hỏng các tuyến đường giao thông.

3.2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải:

3.2.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt người dân phát sinh khoảng 130,5m³/ngày (bao gồm nước tắm rửa 63,45 m³/ngày đêm, nước nhà vệ sinh 42,75 m³/ngày đêm và

nước thải nhà bếp 24,3 m³/ngày đêm). Thành phần chủ yếu gồm: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực dự án lớn nhất khoảng 0,269 m³/s. Thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải,...

3.2.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu là phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình, nhà văn hoá; mùi hôi từ công trình xử lý nước thải và chất thải rắn; hoạt động xây dựng của các hộ gia đình. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần khí thải chủ yếu: NO₂, SO₂, CO,...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh giai đoạn vận hành mỗi ngày 1.023,75 kg/ngày, gồm các chất hữu cơ dễ phân huỷ 716,625 kg/ngày; chất thải có thể tái chế 204,75 kg/ngày; các chất thải khác 102,34kg/ngày bao gồm chất thải có khả năng thu hồi năng lượng (như lá cây, tranh ảnh, gỗ...) và chất thải tro (như thủy tinh, sành...).

- Chất thải từ hoạt động vệ sinh môi trường công cộng khoảng 150 kg/ngày.

3.2.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất chất thải nguy hại khoảng 10,24 kg/ngày chủ yếu phát sinh trong quá trình sinh hoạt; thành phần chủ yếu bao gồm: pin, vỏ chai lọ hóa chất diệt côn trùng, bóng đèn neon, ắc-quy...

3.2.3. Các tác động khác:

- Khi dự án đi vào hoạt động sẽ gia tăng các nguy cơ mất ANTT trong khu vực, phát sinh mâu thuẫn giữa các hộ gia đình trong quá trình sinh sống.

- Các rủi ro, sự cố môi trường: Rủi ro, sự cố cháy, nổ; Rủi ro, sự cố trạm biến áp, đường điện; Rủi ro, sự cố hư hỏng hệ thống xử lý chất thải; Rủi ro, sự cố an ninh trật tự tại khu vực dự án; Rủi ro, sự cố phát tán dịch bệnh

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Sơn có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (đá, cát, xi măng, sắt thép...) phục vụ quá trình thi công xây dựng phải che chắn bằng bạt

- Không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại, dầu mỡ và chất thải nguy hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra, không để rò rỉ ra môi trường.

- Chất thải sinh hoạt và các chất thải được lưu chứa trong các dụng cụ lưu chứa, không xả rác ra mặt đất khu vực công trường, để tránh rác thải cồn trôi theo nước mưa chảy tràn.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas 50m/hố gas. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời kích thước 0,4m x 0,5m; các hố gas tạm có kích thước 0,8m x 0,8m x 0,8m.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) được thu gom về bể chứa nước thải 500l của 5 nhà vệ sinh di động và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý 2 ngày/lần.

- Nước thải từ giặt giũ, vệ sinh tay chân được thu gom và dẫn về bể lắng kích thước: 2,0m x 2,0m x 1,0 m xây dựng bằng cách đào hố, dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành chống thấm. Nước thải sau khi lắng thoát ra mương thoát nước khu vực.

- Nước thải từ ăn uống được thu gom và xử lý sơ bộ bằng 01 hố tách dầu mỡ có kích thước 1mx1mx1m, sau đó nước thải được dẫn về bể lắng cùng với nước mưa. Nước thải sau khi xử lý sẽ thải ra mương thoát nước của khu vực.

c. Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

- Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị, rửa xe được thu gom và dẫn về 1 bể lắng có thể tích 20m³ được lót vải địa chất kỹ thuật (HDPE), trong bể bố trí 1 phao quây thu vớt dầu. Nước thải sau khi lắng được tái sử dụng để vệ sinh thiết bị và phun ẩm chống bụi khu vực công trường, vớt dầu thu được lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Lắp dựng hàng rào tôn cao 2,5m dài 1.500,0m ngăn cách công trường thi công với khu dân cư lân cận,

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công trên công trường với số lượng 2 bộ/người/năm.

- Tưới ẩm khu vực thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên liệu từ dự án đến đoạn qua khu dân cư và tuyến đường liên xã. Tần suất 4 lần/ngày và thực hiện bổ sung khi bụi phát sinh nhiều.

- Thi công đúng kỹ thuật, san gạt lu lèn ngay sau khi trút đổ vật liệu san nền.

- Vận chuyển nguyên vật liệu trên các xe có bạt che phủ, chở đúng tải trọng quy định, tuân thủ tốc độ di chuyển trên các tuyến đường. Bố trí công nhân quét dọn vật liệu rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

- Các phương tiện máy móc thi công trong dự án đảm bảo được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên. Tuân thủ chế độ đăng kiểm theo quy định, việc sử dụng các phương tiện và máy móc đảm bảo còn niên hạn.

- Bố trí khu vực xịt lốp xe, rửa xe vận chuyển và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại khu vực cổng ra vào công trường.

Khu rửa xe được bố trí với diện tích 40m², được bê tông hóa mặt nền, có rãnh thoát nước và bể chứa nước rửa xe, bể lắng nước vệ sinh phương tiện.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Xây dựng nội quy và thực hiện phân loại rác tại nguồn, thu gom riêng rác sinh hoạt có thể tái chế vào 01 thùng dung tích 120 lit có nắp đậy đặt nơi khô ráo, để bán cho cơ sở thu mua phế liệu hoặc tái sử dụng.

- Đối với rác sinh hoạt không thể tái chế, trang bị và sử dụng 04 thùng đựng rác 30 lít/thùng; đặt tại khu lán trại công nhân để chứa chất thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày trên khu vực công trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý với tần suất 1 ngày/lần.

b. Đối với chất thải rắn xây dựng:

- Thực vật phát quang, vật liệu rơi vãi, đất đào bóc phong hóa, bùn thải và vật liệu khác thu gom và vận chuyển về bãi đổ thải.

- Chất thải rắn xây dựng có thể tái chế được thu gom riêng và bán cho các cơ sở phế liệu trên địa bàn.

- Bãi đổ thải của dự án là khu vực dưới chân núi Vức, phường An Hưng của Công ty TNHH MTV Tân Thành 9 (đã được thỏa thuận) cách dự án khoảng 8km, diện tích đổ thải 36.000 m², sức chứa bãi thải là 54.000m³.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Thực hiện thay dầu và bảo dưỡng thiết bị, phương tiện tại cơ sở cung cấp dịch vụ, hạn chế thay dầu tại công trường.

- Trang bị 03 thùng nhựa composite loại 200 lít/thùng để thu gom lưu giữ chất thải rắn nguy hại. Trang bị 02 thùng nhựa composite loại 120 lít/thùng để thu gom lưu giữ chất thải lỏng nguy hại. Các thùng có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định, đặt tại kho tạm diện tích 5m² khu vực lán trại thi công.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại sau khi kết thúc thi công.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Hạn chế vận hành đồng thời những máy móc thiết bị để giảm tiếng ồn, độ rung cộng hưởng, nhất là vị trí gần các khu vực nhạy cảm. Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi di chuyển trong công trường không quá 5km/h.

- Không tiến hành thi công vào khoảng thời gian cao điểm và nghỉ ngơi của người dân.

- Công nhân thi công tại các vị trí có tiếng ồn lớn, vận hành các thiết bị có độ ồn cao sẽ được trang bị nút tai chống ồn.

- Sử dụng đầm cóc để thi công các vị trí tiếp giáp các công trình nhà dân, không sử dụng lu máy, lu rung.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.1.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất:

- Thành lập hội đồng GPMB dự án, thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Định hướng việc làm cho người dân mất đất sản xuất để người dân ổn định đời sống và thu nhập.

- Ưu tiên đào tạo nghề cho các gia đình mất đất sản xuất bởi dự án, tạo điều kiện cho các gia đình tìm việc làm phù hợp với khả năng.

4.1.4.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố:

- Sự cố bom mìn tồn lưu: Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thực hiện rà phá bom mìn toàn bộ khu vực dự án trước khi thi công.

- Sự cố tai nạn lao động: Phổ biến nội quy an toàn lao động, hướng dẫn vận hành thiết bị cho công nhân trước khi thi công. Trang bị tủ thuốc cấp cứu tại lán trại trên công trường để ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn. Trang bị 2 bình bột cứu hỏa loại 4kg. Đặt khu vực lán trại tạm trên công trường để phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ khi thi công.

- Sự cố lún, nứt, hư hỏng công trình: Chủ dự án khảo sát, kiểm tra các công trình có nguy cơ ảnh hưởng bởi dự án trước khi thi công. Có biện pháp thi công, vận chuyên phù hợp với hiện trạng các công trình.

- Sự cố ngộ độc thực phẩm: Lựa chọn và sử dụng các thực phẩm đảm bảo chất lượng, chế biến đúng cách. Không sử dụng thực phẩm để lâu, hư hỏng để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm.

4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a. Đối với nước mưa chảy tràn:

- *Trách nhiệm của đại diện chủ đầu tư/chính quyền địa phương:*

+ Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn bằng hệ thống cống thoát nước nội bộ D600-D800, sau đó thoát ra mương thoát nước khu vực theo quy hoạch;

+ Các hố ga thiết kế theo loại hộp giữ nước và có lưới chắn rác, nắp và lưới chắn rác sử dụng bằng gang đúc sẵn;

+ Hướng dẫn, giám sát các hộ dân khi thi công xây dựng nhà phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa phù hợp để đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư;

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng nạo vét định kỳ các hố ga để loại bỏ rác, cặn lắng, bùn thải, vận chuyển xử lý đúng quy định.

- *Trách nhiệm của các hộ dân/nhà đầu tư thứ cấp:*

+ Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa từ mái nhà và sân nội bộ, đầu nối thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư;

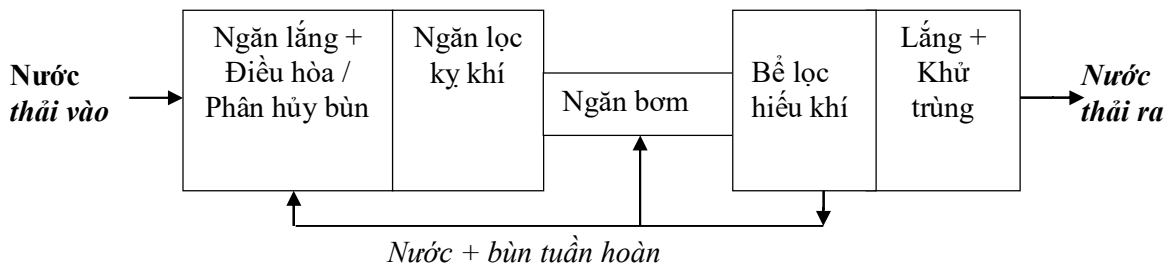
+ Thường xuyên kiểm tra, khơi thông hệ thống thoát nước mưa, tránh ứ đọng rác thải.

a. Đối với nước thải:

- *Trách nhiệm của đại diện chủ đầu tư/chính quyền địa phương:*

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải, đặt sẵn các vị trí chờ đầu nối tại mỗi hộ gia đình, khu vực dự án thứ cấp để đầu nối vào đường ống chờ và thoát nước vào hệ thống thoát nước chung theo định hướng quy hoạch; kết nối nước thải của dự án về hệ thống xử lý nước thải hợp khối đặt tại dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu D (gọi tắt là khu D);

+ Xây dựng hoàn chỉnh thiết bị XLNT hợp khối Bastafat-F bằng vật liệu Composite gồm 03 modul với công suất 50 m³/ngày đêm/1 modul đặt ngầm tại vị trí công viên cây xanh mặt nước 3 phía Đông dự án thuộc khu D để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại. Nước thải xử lý đạt QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B), sau đó thoát ra hồ điều hòa phía Đông dự án (thuộc khu D). Sơ đồ xử lý của thiết bị XLNT hợp khối bằng vật liệu Composite như sau:



Sau khi trạm xử lý nước thải thị trấn Rừng Thông có công suất đến năm 2025 là 4.000 m³/ngày.đêm, đến năm 2040 là 6.000m³/ngày.đêm được xây dựng (theo quy hoạch tại Quyết định 564/QĐ-UBND ngày 11/2/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040), sẽ tiến hành đầu nối nước thải phát sinh tại dự án về trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch và dừng hoạt động thiết bị xử lý nước thải tại khu vực dự án.

+ Đưa ra quy định yêu cầu các cá nhân, hộ gia đình khi xây dựng nhà ở phải cam kết tránh không để rơi vãi hóa chất, dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng,... vào hệ thống thoát nước;

+ Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước thải, kịp thời phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế, bổ sung định

kỳ (6 tháng/lần) chế phẩm vi sinh vào các ngăn phân hủy vi sinh để nâng cao hiệu quả làm sạch của thiết bị XLNT hợp khối tại chỗ.

- Trách nhiệm của các hộ dân/nhà đầu tư thứ cấp:

+ Mỗi hộ gia đình xây dựng 01 bể tự hoại để thu gom xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh; lắp đặt 01 bể tách mỡ/thiết bị tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ nước thải nhà bếp. Thường xuyên bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại; định kỳ nạo vét bể tự hoại;

+ Nhà đầu tư xây dựng nhà văn hoá, nhà ở xã hội có trách nhiệm xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo theo quy định hoặc theo hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

+ Mỗi hộ gia đình, nhà đầu tư thứ cấp xây dựng đường ống thu gom nước thải sinh hoạt đầu nối vào đường ống chờ của hệ thống thoát nước thải của khu dân cư và dẫn về thiết bị xử lý tại chỗ Bastafat-F tại khu D.

4.2.1.2. Đối với giảm thiểu bụi và khí thải:

- Trách nhiệm của đại diện chủ đầu tư/chính quyền địa phương:

+ Đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo được trồng theo đúng quy hoạch và đảm bảo quy định;

+ Khuyến nghị, tuyên truyền và vận động các hộ dân, nhà đầu tư thứ cấp thực hiện các biện pháp thu gom, giảm thiểu tác động do khí thải phát sinh từ quá trình nấu nướng, từ phương tiện giao thông,...

+ Có các biện pháp tuyên truyền để người dân hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch, củi, rơm trong việc đun nấu;

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn thu gom rác thải và đưa đi xử lý theo quy định tại khu vực tập kết CTR của dự án và tại các thùng rác công viên, đường, nơi công cộng,... với tần suất 1 lần/ngày;

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước thải của dự án kiên cố, có nắp đậy bằng betong, có thoát khí, nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa; định kỳ phun xịt chất khử trùng khu vực cống rãnh thoát nước, khu vực tập kết rác thải trong khu dự án. Lập kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống thu gom, thoát nước của khu vực để hạn chế mùi phát sinh do nước tù đọng;

+ Thường xuyên phun thuốc khử trùng, diệt khuẩn; trồng cây xanh khu vực tập kết rác thải; bổ sung chế phẩm vi sinh vào các bể tự hoại khu vực công cộng nhằm giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh;

+ Tuyên truyền người dân sử dụng các nhiên liệu ít gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động sinh hoạt như: gas, điện,... không sử dụng nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm môi trường.

- Trách nhiệm của các hộ dân/nhà đầu tư thứ cấp:

+ Tắt các phương tiện giao thông của cá nhân, tổ chức khi không cần thiết;

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà, khu vực dự án thứ cấp. Thu gom, tập kết chất thải đúng nơi quy định; để rác đúng quy định về thời gian và địa điểm;

+ Đối với khu vực nhà bếp, nấu ăn phải trang bị bộ phận hút, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường. Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt/ hệ thống xử lý nước thải (nếu có);

+ Khi thi công xây dựng, phải có biện pháp thu gom, quản lý vật liệu; hạn chế rơi vãi, phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh; khi vận chuyển nguyên nhiên vật liệu phục vụ thi công dự án, yêu cầu nhà cung cấp phủ bạt kín, chở đúng tải trọng xe theo quy định,...

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Trách nhiệm của đại diện chủ đầu tư/chính quyền địa phương:

+ Xây dựng khu vực tập kết chất thải tạm thời với diện tích khoảng 20m² gần với khu vực trồng cây xanh để tập kết chất thải và trung chuyển chất thải. Khu vực tập kết tạm thời có mái che và hệ thống rãnh thu gom, hố gas thu nước nước (dẫn về hệ thống thoát nước thải, sau đó dẫn về thiết bị xử lý nước thải tập trung xử lý);

+ Cung cấp, hướng dẫn tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành liên quan đến CTR, CTNH cho các hộ gia đình, nhà đầu tư thứ cấp; có chương trình, kế hoạch cụ thể trong việc nạo vét cống rãnh và thông báo rộng rãi cho người dân toàn khu dự án biết trước khi triển khai;

+ Trang bị 02 xe chứa CTR có dung tích 0,5m³/xe đặt tại điểm tập kết CTR tạm thời; Trang bị 30 thùng đựng rác loại 240 lít đặt tại khuôn viên cây xanh. Tổ chức dịch vụ thu gom hoặc hợp đồng thuê đơn vị thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt đem đi xử lý với tần suất 01 ngày/lần. Thuê đơn vị vệ sinh môi trường địa phương thực hiện vệ sinh khu vực cây xanh, công viên của dự án;

+ Căn cứ điều kiện thực tế ở địa phương để bố trí 02 thùng chứa 500 l/thùng, khu vực lưu chứa CTNH phát sinh trong khu vực tập kết CTR tạm thời và đồng hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo kế hoạch chung của huyện.

- Trách nhiệm của các hộ dân/nhà đầu tư thứ cấp:

+ Phân loại, thu gom chất thải rắn thông thường; bố trí thiết bị chứa chất thải thực phẩm đảm bảo kín, không rò rỉ ra môi trường. Thu gom chất thải tro, chất thải nguy hại trong sinh hoạt bỏ vào các thiết bị chứa do chính quyền địa phương bố trí

+ Chi trả phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật;

+ Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, thu gom, tập kết CTRSH, CTNH đúng nơi quy định; không được vứt CTRSH, CTNH ra môi trường không đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động;

+ Dọn dẹp, giữ gìn vệ sinh môi trường trong khu đất thuộc quyền sử dụng của mình, vỉa hè trước và xung quanh khu vực.

+ Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý CTRSH, CTNH;

+ Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, CTNH; các vi phạm đối với Quy định này đến UBND các cấp.

4.2.4. Các biện pháp phòng ngừa ứng phó, rủi ro sự cố môi trường

- Thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra nhắc nhở các hộ gia đình, nhà đầu tư thứ cấp về yêu cầu PCCC và các lưu ý khi sử dụng điện, gas và các thiết bị phát sinh nhiệt cao. Nghiêm cấm đốt rác thải sinh hoạt trong khu dân cư. Xây dựng các quy định về an toàn PCCC và phổ biến đến người dân cùng thực hiện. Các hộ gia đình lắp các thiết bị an toàn điện cho các công trình nhà ở, sử dụng các thiết bị điện, đường dây phù hợp với công suất tiêu thụ. Chủ động PCCC trong gia đình, kiểm tra các thiết bị điện, bếp định kỳ và khi có sự cố; không đốt rác thải sinh hoạt, trang bị kiến thức về PCCC;

- Xây dựng hoàn thiện hạ tầng cấp điện bao gồm đường dây, trạm biến áp theo đúng thiết kế. Lắp đặt đầy đủ thiết bị chống sét, nối đất,... cho trạm biến áp. Sử dụng đường dây đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế được phê duyệt.

- Chính quyền địa phương thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống thoát nước. Khi xảy ra sự cố như: ách tắc, vỡ... sẽ được tiến hành nạo vét, sửa chữa ngay trong thời gian nhanh nhất. Thực hiện đấu nối nước thải theo đúng hướng dẫn trong quá trình xây dựng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Theo quy định tại Điều 111, 112, Luật BVMT 2020; Điều 97, 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải, bụi, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện thoả thuận đấu nối xử lý và thoát nước thải của dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án Khu dân cư Đồng Nhung, thị trấn Rừng Thông, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa - Khu D của UBND huyện Đông Sơn.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Tích hợp các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu trên vào thủ tục, hồ sơ pháp lý cho dự án; bố trí kinh phí đảm bảo để đầu tư các công trình môi trường, thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường khi thực hiện dự án.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.